MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong thời đại ngày nay với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật, của nền kinh tế tri thức đòi hỏi mỗi người cần phải trang bị cho mình đầy đủ các kỹ năng để có thể đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội. Trong đó việc rèn luyện kỹ năng sống là một trong những đòi hỏi có ý nghĩa quan trọng đối với mỗi người để có thể đương đầu với thử thách trong cuộc sống và hoàn thiện mình hơn.

Trong những năm gần đây thực hiện Nghị quyết số 29 - NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trong những năm qua Bộ Giáo dục và Đào tạo đã không ngừng đưa ra những giải pháp để thực hiện đổi mới căn bản toàn diện GD&ĐT như: chuẩn bị đổi mới chương trình sách giáo khoa, đổi mới kiểm tra đánh giá, đổi mới phương pháp dạy học chuyển mạnh từ quá trình chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; Chỉ thị số 1537/CT-BGDĐT ngày 5/5/2014 của Bộ GD&ĐT về tăng cường và nâng cao hiệu quả một số hoạt động giáo dục cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục, đào tạo; Thông tư số 4/2014/TT-BGD ĐT, ngày 28/02/2014 v/v ban hành Quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

Thực hiện sự chỉ đạo trên, Sở GD&ĐT các tỉnh đã tích cực chỉ đạo các trường quan tâm tới công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh đến nay đã có sự thay đổi tích cực; sự quan tâm chỉ đạo của CBQL nhà trường đã được tăng cường; việc phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để chung tay giáo dục học sinh có lối sống lành mạnh, tích cực đã được quan tâm đúng mức. Giáo dục kỹ năng sống đã được lồng ghép, tích hợp vào các môn học cũng như các hoạt động ngoài giờ lên lớp đã mang lại một số hiệu quả thiết thực cho công tác giáo dục toàn diện học sinh.

Tuy nhiên việc đưa giáo dục kỹ năng sống vào trong nhà trường còn gặp không ít khó khăn. Trước hết, do chưa có bộ giáo trình chuẩn về giáo dục kỹ năng sống cho học sinh nên mỗi trường dạy theo cách thức khác nhau. Một số nội dung chương trình giảng dạy còn giáo điều, sáo rỗng, nặng về lí thuyết mà ít có tính thực tiễn. Bên cạnh đó, một số trường, một số bậc phụ huynh vẫn còn quá coi trọng thành tích học tập của học sinh, của con em mình mà chưa coi trọng việc giáo dục kỹ năng sống thậm chí còn cho rằng đó là điều chưa thực sự cần thiết.

Mặt khác, hiện nay một bộ phận không nhỏ học sinh nói chung và học sinh THPT trên địa bàn huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương nói riêng đang sa vào các tệ nạn xã hội, có biểu hiện suy thoái về mặt đạo đức, lối sống ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng học tập, nền nếp của nhà trường. Sự gia tăng của biểu hiện thiếu kỹ năng sống như: không thể hiện được khả năng

của bản thân, khó hòa nhập, lúng túng trong xử lý tình huống, hay gây mâu thuẫn, bất hòa với bạn bè, thầy cô, nguyên nhân không nhỏ của tình trạng trên là các em chưa được trang bị kỹ năng sống một cách đầy đủ, để có thể đương đầu với những biến động và sự cám dỗ trong xã hội hiện nay.

Xuất phát từ những yêu cầu trên, với tư cách là cán bộ quản lý của một trường THPT trên địa bàn huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tôi nhận thấy việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong nhà trường hiện nay là một việc hết sức cần thiết.

Chính vì vậy tôi đã mạnh dạn lựa chọn tên đề tài luận văn thạc sĩ của mình với tiêu đề: **"Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trường THPT Cẩm Giàng II, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương".**

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu lý luận về giáo dục kỹ năng sống (GDKNS) và thực tiễn hoạt động GDKNS cho học sinh tại trường trung học phổ thông (THPT) Cẩm Giàng II, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương nhằm đề xuất biện pháp quản lý hoạt động GDKNS, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT trong giai đoạn hiện nay.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trường THPT Cẩm Giàng II, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Biện pháp quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tại trường THPT Cẩm Giàng II, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

4.1. Nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT.

4.2. Khảo sát thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tại trường THPT Cẩm Giàng II, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

4.3. Biện pháp quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tại trường THPT Cẩm Giàng II, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

5. Phạm vi nghiên cứu

5.1. Giới hạn về nội dung nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu công tác quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống.

5.2. Địa bàn nghiên cứu

Trường THPT Cẩm Giàng II trên địa bàn huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

5.3. Phạm vi thời gian

Nghiên cứu quản lý hoạt động giáo kỹ năng sống cho học sinh trường THPT Cẩm Giàng II, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương từ năm 2015 đến

năm 2017.

6. Giả thuyết khoa học

- Hoạt động GDKNS cho học sinh ở trường THPT Cẩm Giàng II, tỉnh Hải Dương đã và đang được thực hiện có hiệu quả, phần nào đáp ứng được nhu cầu xã hội cũng như những định hướng đổi mới căn bản về giáo dục trong giai đoạn hiện nay, tuy nhiên hoạt động này diễn ra còn thiếu sự đồng bộ, chưa thật sự có được sự phối hợp quan tâm và định hướng chỉ đạo của đội ngũ cán bộ quản lý.

- Việc nâng cao nhận thức về GDKNS cho học sinh ở trường THPT Cẩm Giàng II và áp dụng một số biện pháp quản lý phù hợp từ công tác lập kế hoạch đến tổ chức chỉ đạo, kiểm tra đánh giá cho hoạt động giáo dục này, sẽ góp phần nâng cao chất lượng hoạt động GDKNS cho học tại trường THPT Cẩm Giàng II, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương nói riêng và các trường THPT trên địa bàn tỉnh Hải Dương nói chung trong giai đoạn hiện nay.

7. Phương pháp nghiên cứu

Kết hợp các nhóm nghiên cứu sau:

7.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận

Nghiên cứu các tài liệu, công trình, sách, báo, tạp chí, văn bản liên quan, đặc biệt là hoạt động quản lý giáo dục kỹ năng sống của các cơ sở giáo dục liên quan đến đề tài.

7.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

Điều tra bằng phiếu, phỏng vấn, tổng kết kinh nghiệm giáo dục.

7.3. Phương pháp xử lý thông tin

Sử dụng phương pháp thống kê toán học và phần mềm SPSS.

8. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

8.1. Ý nghĩa lý luận

Góp phần làm rõ cơ sở lý luận việc quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trường THPT.

8.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Làm rõ được thực trạng bức tranh công tác quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tại trường THPT Cẩm Giàng II, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

- Đề xuất được một số biện pháp quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tại trường THPT Cẩm Giàng II, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Qua đó giúp nhân rộng kinh nghiệm quản lý cho các trường THPT khác trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

9. Cấu trúc luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục và tài liệu tham khảo, nội dung luận văn được cấu trúc trong 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trung học phổ thông

Chương 2: Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống tại trường trung học phổ thông Cẩm Giàng II, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

Chương 3: Biện pháp quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tại trường trung học phổ thông Cẩm Giàng II, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

Chương 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA CÔNG TÁC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH THPT

1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Trên thế giới

Có nhiều cách tiếp cận khác nhau về kỹ năng sống (KNS). Tuy nhiên, quan niệm rộng nhất là quan niệm do tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục của Liên hiệp quốc (UNESCO) đưa ra, dựa trên cơ sở là 4 mục tiêu cơ bản của việc học: Học để biết - Học để làm - Học để khẳng định bản thân - Học để cùng chung sống. Dựa vào đó, UNESCO định nghĩa "*KNS là năng lực cá nhân để thực hiện đầy đủ các chức năng và tham gia vào cuộc sống hàng ngày".*

Trong chương trình giáo dục của UNICEF, trước tiên là chương trình *"giáo dục những giá trị sống"* tập trung vào 12 giá trị sống mang tính tổng quát, chủ đề được lấy trong lời mở đầu của hiến chương Liên hợp quốc, khẳng định lòng tin vào quyền cơ bản của con người, về phẩm chất, nhân cách giá trị của mỗi người. 12 giá trị xã hội và cá nhân cơ bản là: Hợp tác, Tự do, Hạnh phúc, Trung thực, Khiêm tốn, Tình yêu, Hòa bình, Tôn trọng, Trách nhiệm, Giản dị, Khoan dung và Đoàn kết.

Cùng với sự phát triển kinh tế xã hội và xu thế hội nhập của các quốc gia trên thế giới nên hệ thống giáo dục của các nước đã và đang thay đổi theo định hướng khơi dậy và phát huy tối đa các tiềm năng của người học, đào tạo một thế hệ năng động, sáng tạo, có những năng lực chủ yếu (năng lực thích ứng, năng lực hoàn thiện, năng lực hợp tác, năng lực hoạt động xã hội) để thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của xã hội. Theo đó, vấn đề giáo dục KNS cho thế hệ trẻ nói chung, cho học sinh phổ thông nói riêng được đông đảo các nước quan tâm. Kế hoạch hành động DarKar về giáo dục cho mọi người (Senegan 2000) yêu cầu mỗi quốc gia cần đảm bảo cho người học được tiếp cận chương trình KNS phù hợp. Trong giáo dục hiện đại, KNS của người học là một tiêu chí của chất lượng giáo dục. Do đó, khi đánh giá chất lượng giáo dục phải tính đến tiêu chí đánh giá KNS của người học [8]

Giáo dục KNS đã được nhiều nước quan tâm và cùng xuất phát từ quan niệm chung về KNS của tổ chức Y tế thế giới hoặc của UNESCO, nhưng quan niệm và nội dung GDKNS ở nhiều nước không giống nhau. Ở một số nước, nội hàm của khái niệm KNS được mở rộng, trong khi một số nước xác định nội hàm của khái niệm KNS chỉ gồm những khả năng tâm lí, xã hội. [8]

Trong quan điểm và nội dung GDKNS được triển khai ở các nước vừa thể hiện cái chung vừa mang tính đặc thù của từng quốc gia. Mặt khác, ngay trong một quốc gia, nội dung GDKNS trong lĩnh vực giáo dục chính quy và không chính quy cũng có sự khác nhau. Trong giáo dục không chính quy ở một số nước, những kỹ năng cơ bản như đọc, viết, nghe, nói được coi là những kỹ năng sống cơ sở trong khi trong giáo dục chính quy, các kỹ năng sống cơ bản lại được xác định phong phú hơn theo các lĩnh vực quan hệ cá nhân. [8]

1.1.2. Nghiên cứu trong nước

Vấn đề GDKNS cho con người ở nước ta từ lâu đã được tổng kết lại một cách đơn giản, ngắn gọn như "học ăn, học nói, học gói, học mở", học để "đối nhân xử thế".

Sau này, thuật ngữ KNS bắt đầu xuất hiện trong nhà trường phổ thông Việt Nam từ những năm 1995- 1996, thông qua dự án "Giáo dục KNS để bảo vệ sức khỏe và phòng chống HIV/ AIDS cho thanh niên trong và ngoài nhà trường" do Quỹ Nhi đồng LHQ (UNICEF) phối hợp với Bộ Giáo Dục và Đào tạo phối hợp cùng Hội chữ thập đỏ Việt Nam thực hiện.

Một trong những cơ sở nghiên cứu đưa GDKNS vào giáo dục đào tạo, trước hết là Trung tâm nghiên cứu giáo dục đạo đức công dân (Viện Khoa học giáo dục Việt Nam). Để đổi mới giáo dục đào tạo, năm 2000 trung tâm đã cử cán bộ tiếp cận với chương trình GDKNS và tích hợp vào chương trình môn Đạo đức ở tiểu học và môn Giáo dục công dân cũng như chương trình hoạt động GDKNS ở trường Phổ thông (từ tiểu học đến THPT) ngay từ năm 1998. Và một trong những người có những nghiên cứu mang tính hệ thống về KNS và GDKNS ở Việt Nam là TS. Nguyễn Thanh Bình và một số tác giả khác. Các tác giả và cộng sự đã triển khai nghiên cứu về quá trình nhận thức về KNS, tìm hiểu về thực trạng GDKNS cho người học từ trẻ mầm non đến người lớn thông qua giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên ở Việt Nam, đề xuất yêu cầu tiếp cận KNS trong giáo dục và GDKNS ở nhà trường Phổ thông. Bên cạnh đó, một số nghiên cứu khác có giá trị quan trọng trong việc lập quan điểm phương pháp luận cũng như định hướng và tiếp cận trong việc nghiên cứu KNS là nghiên cứu của các tác giả Đặng Quốc Bảo, Phạm Minh Hạc,...

Khái niệm "KNS" thực sự được hiểu với nội hàm đa dạng sau hội thảo "Chất lượng giáo dục và kỹ năng sống" do UNICEF và Viện chiến lược và chương trình giáo dục tổ chức từ ngày 23 - 25 tháng 10 năm 2003 tại Hà Nội.

Theo tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO): *"KNS là năng lực cá nhân để thực hiện đầy đủ các chức năng và tham gia vào cuộc sống hàng ngày"*. Từ đó người làm công tác giáo dục ở Việt Nam đã hiểu đầy đủ hơn về kỹ năng sống.

Trong một hội thảo toàn quốc do Bộ GD&ĐT tổ chức về công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên tại Hà Nội, kết luận đã nêu rõ:

+ Những kết quả đạt được: Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh sinh viên hiện nay đã có nhiều tiến bộ, sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy đảng trong toàn bộ hệ thống chính trị được tăng cường; việc phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để chung tay giáo dục học sinh sinh viên có lối sống lành mạnh, tích cực học tập, nghiên cứu khoa học và sống có trách nhiệm đã được quan tâm đúng mức.

+ Những mặt hạn chế: Trong những năm gần đây, công tác giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh, sinh viên đã được đổi mới nội dung, phương pháp thực hiện và thu được những kết quả tích cực. Tuy nhiên, cùng với sự biến đổi nhanh chóng của đời sống xã hội và những tác động mặt trái của kinh tế thị trường trước xu thế hội nhập mạnh mẽ công tác này còn bộc lộ những hạn chế, yếu kém nhất định. Thực tiễn cho thấy, những tồn tại, hạn chế trong công tác giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh sinh viên như chất lượng giáo dục toàn diện chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới hiện nay; đội ngũ giáo viên phụ trách còn thiếu; cơ sở vật chất trong các nhà trường chưa đáp ứng yêu cầu vui chơi, rèn luyện sức khỏe cho học sinh, sinh viên; cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành và các địa phương chưa được thể chế hóa; công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội còn lỏng lẻo;...

Một trong những yêu cầu quan trọng mà Bộ GD&ĐT đề ra trong những năm học gần đây là đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực người học.

Chương trình giáo dục THPT đã chú ý tới giáo dục KNS theo quan niệm cập nhật và đầy đủ hơn của UNESCO thông qua việc xác định một số môn học có tiềm năng như: Giáo dục công dân, Văn học,.... Bộ GD&ĐT đã chỉ đạo Viện Khoa học Giáo dục VN tổ chức biên soạn bộ tài liệu về GDKNS cho học sinh qua một số môn học và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp với sự hỗ trợ của Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF).

Nhìn chung qua các đề tài nghiên cứu đã phân tích làm rõ tính cấp bách của vấn đề GDKNS tuy nhiên hình thức và phương pháp GDKNS như thế nào cho phù hợp và hiệu quả đối với từng đối tượng người học lại là vấn đề các chuyên gia giáo dục, tâm lý học cần nghiên cứu một cách cụ thể, có kết quả thử nghiệm rõ ràng.

1.2. Một số khái niệm cơ bản

1.2.1. Quản lý

1.2.2. Quản lý giáo dục

1.2.3. Quản lý nhà trường
1.2.4. Kỹ năng sống
1.2.5. Giáo dục kỹ năng sống
1.2.6. Quản lý giáo dục kỹ năng sống

1.3. Trường THPT trong hệ thống giáo dục quốc dân

1.3.1. Vị trí trường THPT trong hệ thống giáo dục quốc dân
1.3.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của trường trung học phổ thông

1.4. Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT

1.4.1. Đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh THPT
1.4.2. Vai trò của hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT
1.4.3. Mục tiêu giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT
1.4.4. Nội dung giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trường THPT Cẩm Giàng II
1.4.5. Phương pháp giáo dục kỹ năng sống
1.4.6. Điều kiện triển khai hoạt động giáo dục kỹ năng sống (giáo viên, cơ sở vật chất, giáo trình tài liệu)

1.5. Nội dung quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống tại trường THPT

1.5.1. Yêu cầu chung về công tác quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống
1.5.2. Tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong nhà trường
1.5.3. Quản lý nội dung chương trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong nhà trường
1.5.4. Quản lý về đội ngũ thực hiện hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong nhà trường
1.5.5. Quản lý việc phối hợp các lực lượng thực hiện hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong nhà trường
1.5.6. Quản lý cơ sở vật chất và các điều kiện thực hiện hoạt động giáo dục kỹ năng sống
1.5.7. Quản lý về việc kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong nhà trường.

1.6. Những yếu tố tác động tới quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống

1.6.1. Các yếu tố chủ quan
1.6.2. Các yếu tố khách quan

Tiểu kết chương 1

Kỹ năng sống là nhân tố quan trọng trong việc hình thành cho học sinh THPT được giáo dục toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào

cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vì vậy việc GDKNS là vô cùng quan trọng.

Mục tiêu giáo dục của nước ta là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp. Nhân cách học sinh được hình thành và phát triển chịu sự chế ước của nhiều nhân tố, trong đó môi trường là điều kiện, giáo dục là chủ đạo, còn hoạt động cá nhân là cơ sở và là nhân tố quyết định sự phát triển nhân cách. Đối với HS THPT, GDKNS là điều kiện cho các em tiến hành các hoạt động giao tiếp trong môi trường tập thể, giúp các em có những trải nghiệm làm phong phú thêm nhân cách và có điều kiện vận dụng những kiến thức đã học trên lớp và thực tiễn cuộc sống.

Vấn đề đặt ra cần phải có biện pháp quản lý phù hợp mới có thể thực hiện có kết quả GDKNS cho HS THPT trong xã hội hiện nay. Công tác quản lý của nhà trường luôn đóng vai trò chủ đạo trong việc thực hiện hoạt động GDKNS.

Trong chương 1, tôi đã phân tích và làm sáng tỏ các vấn đề cơ bản về GDKNS, đề cập đến một số khái niệm công cụ cơ bản như: quản lý, quản lý giáo dục, quản lý nhà trường; KNS, GDKNS, quản lý hoạt động GDKNS. Đặc biệt tác giả đã nghiên cứu những nội dung của quản lý hoạt động GDKNS, các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động GDKNS cho HS THPT. Qua đó thấy việc quản lý hoạt động GDKNS cho HS hiện nay là hết sức cần thiết và cấp bách.

Chương 2
THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG TẠI TRƯỜNG THPT CẨM GIÀNG II, HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

2.1. Khái quát đặc điểm vị trí, văn hoá, xã hội của huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương và trường THPT Cẩm Giàng II

2.1.1. Sơ lược về vị trí, văn hoá, xã hội huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

2.1.2. Trường THPT Cẩm Giàng II, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

2.2. Khái quát hoạt động khảo sát giáo dục kỹ năng sống tại trường THPT Cẩm Giàng II, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

2.2.1. Giới thiệu hoạt động khảo sát

2.2.2. Mục đích khảo sát

2.2.3. Nội dung khảo sát

2.2.4. Phương pháp khảo sát

2.2.5. Cách thức tính điểm

2.3. Thực trạng hoạt động giáo dục kỹ năng sống tại trường THPT Cẩm Giàng II, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

2.3.1. Nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tại trường THPT Cẩm Giàng II, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

Bảng 2.1. Kết quả khảo sát về tầm quan trọng của hoạt động GDKNS đối bản thân học sinh.

TT	Quan điểm	Số lượng	Tỷ lệ %	Điểm TB ($\overline{X}$)
1	Rất quan trọng	60	42,9	4,00
2	Quan trọng	80	57,1	3,00
3	Ít quan trọng	0	0,0	0,0
4	Không quan trọng	0	0,0	0,0
Trung bình chung		-	***3,43***	-

2.3.2. Thực hiện hoạt động giáo dục KNS của trường THTP Cẩm Giàng II

Bảng 2.2. Kết quả khảo sát về mức độ thực hiện giáo dục các kỹ năng sống

TT	**Nội dung**	**Tốt**		**Khá**		**TB**		**Yếu**		**Kém**		**ĐTB ($\overline{X}$)**	**Thứ bậc**
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Kĩ năng giao tiếp	7	5.0	73	52,1	60	42,9	0	0	0	0	3,62	9
2	Kĩ năng tự nhận thức	17	12.1	88	62.9	35	25.0	0	0	0	0	3,87	5
3	Kĩ năng xác định giá trị	21	15.0	88	62.9	31	22.1	0	0	0	0	3,93	3
4	Kĩ năng ra quyết định.	33	23.6	86	61.4	21	15.0	0	0	0	0	4,08	1
5	Kĩ năng giải quyết vấn đề	34	24.3	66	47.1	40	28.6	0	0	0	0	3,95	2
6	Kĩ năng kiên định	23	16.4	84	60.0	33	23.6	0	0	0	0	3,93	3
7	Kĩ năng hợp tác	20	14.3	68	48.6	52	37.1	0	0	0	0	3,77	8
8	Kĩ năng ứng phó với tình huống căng thẳng	18	12.9	77	55.0	45	32.1	0	0	0	0	3,80	6
9	Kĩ năng đặt mục tiêu	21	15.0	68	48.6	51	36.4	0	0	0	0	3,78	7
Trung bình chung		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	***3,86***	-

2.3.3. Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục KNS

Bảng 2.3. Kết quả đánh giá về các hình thức tổ chức các hoạt động KNS

TT	Nội dung	Tốt		Khá		TB		Yếu		Kém		ĐTB ($\overline{X}$)	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Giáo dục kỹ năng sống trong chương trình học chính khoá.	65	46.4	75	53.6	0	0	0	0	0	0	4.46	1
2	Lồng ghép các hoạt động giáo dục kỹ năng sống vào các môn văn hóa.	54	38.6	74	52.9	12	8.6	0	0	0	0	4.3	2
3	Tổ chức các buổi sinh hoạt giáo dục kỹ năng sống trong nhà trường do giáo viên, ĐTN tổ chức.	27	19.3	86	61.4	27	19.3	0	0	0	0	4.0	3
4	Tổ chức thi tìm hiểu về kỹ năng sống	0	0	0	0	103	73.6	37	26.4	0	0	2.74	4
5	Tổ chức cho học sinh đi dã ngoại để tăng cường giáo dục kỹ năng sống	0	0	9	6.4	77	55.0	54	38.6	0	0	2.68	5
6	Tổ chức cho các chuyên gia về kỹ năng sống giáo dục kỹ năng sống cho học sinh	0	0	6	4.3	39	27.9	95	67.9	0	0	2.36	6
Trung bình chung		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**3.42**	-

2.3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục kỹ năng sống đối với học sinh.

Bảng 2.4. Kết quả đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tới hoạt động GDKNS.

TT	Các yếu tố	Rất ảnh hưởng		Ảnh hưởng		Bình thường		Ít ảnh hưởng		Không ảnh hưởng		ĐTB ($\overline{X}$)	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Nhận thức, thái độ của HS đối với các hoạt động giáo dục kỹ năng sống.	24	17.1	88	62.9	28	20.0	0	0	0	0	3.97	2
2	Mục tiêu, động lực về các hoạt động giáo dục kỹ năng sống của HS.	17	12.1	94	67.1	29	20.7	0	0	0	0	3.91	4
3	Năng lực, sở thích, đam mê các hoạt động giáo dục kỹ năng sống của HS.	21	15.0	88	62.9	31	22.1	0	0	0	0	3.93	3
4	Điều kiện sức khoẻ của học sinh.	33	23.6	86	61.4	21	15.0	0	0	0	0	4.08	1
5	Điều kiện, hoàn cảnh gia đình của HS.	34	24.3	66	47.1	40	28.6	0	0	0	0	3.06	7
6	Công tác tuyên truyền, định hướng, tư vấn trong công tác GDKNS cho HS.	19	13.6	86	61.4	35	25.0	0	0	0	0	3.89	5
7	Môi trường giáo dục, môi trường xã hội của HS.	20	14.3	68	48.6	52	37.1	0	0	0	0	3.77	6
Trung bình chung		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	***3.80***	-

2.4. Thực trạng quản lý hoạt động GDKNS cho học sinh THPT tại trường THPT Cẩm Giàng II, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

2.4.1. Nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động quản lý GDKNS trong nhà trường.

Bảng 2.5. Kết quả khảo sát về tầm quan trọng của hoạt động quản lý GDKNS trong nhà trường cho HS

TT	Quan điểm	Số lượng	Tỷ lệ %	Điểm TB ($\overline{X}$)
1	Rất quan trọng	32	51.6	4.0
2	Quan trọng	30	48.4	3.0
3	Ít quan trọng	0	0	
4	Không quan trọng	0	0	
Trung bình chung		**-**	***3.52***	**-**

2.4.2. Quản lý hoạt động xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động giáo dục KNS.

Bảng 2.6. Kết quả đánh giá hoạt động quản lý xây dựng chương trình, kế hoạch, HĐGDKNS

TT	Nội dung	Tốt		Khá		TB		Yếu		Kém		ĐTB ($\overline{X}$)	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch, chương trình giáo dục KNS theo thời gian (tuần, tháng, năm).	10	16.1	23	37.1	29	46.8	0	0	0	0	3.69	2
2	Tổ chức xây dựng kế hoạch, chương trình chỉ đạo về giáo dục KNS của lãnh đạo trường.	5	8.1	39	62.9	18	29.0	0	0	0	0	3.79	1
3	Duyệt kế hoạch, chương trình giáo dục kỹ năng sống theo định kỳ thời gian.	2	3.2	30	48.4	27	43.5	3	4.8	0	0	3.5	4
4	Xây dựng biện pháp kiểm tra, theo dõi, bổ sung kế hoạch.	0	0	37	59.7	25	40.3	0	0	0	0	3.60	3
5	Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch. Xử lý những sai phạm trong công tác thực hiện kế hoạch, nội dung, chương trình giáo dục kỹ năng sống.	2	3.2	25	40.3	32	51.6	3	4.8	0	0	3.42	5
Trung bình chung		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	***3.60***	**-**

2.4.3. Quản lý thực hiện nội dung GDKNS.

Bảng 2.7. Kết quả đánh giá mức độ quản lý thực hiện nội dung GDKNS

TT	Nội dung	Tốt		Khá		TB		Yếu		Kém		ĐTB ($\overline{X}$)	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Quản lý việc định hướng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.	10	16.1	37	59.7	15	24.2	0	0	0	0	3.92	1
2	Quản lý việc tư vấn về kỹ năng sống: hướng dẫn, giúp đỡ đưa ra những lời khuyên của giáo viên trên cơ sở đặc điểm tâm lý HS.	3	4.8	45	72.6	14	22.6	0	0	0	0	3.82	2
3	Quản lý hoạt động giảng dạy triển khai cung cấp cho HS những hiểu biết về kỹ năng sống hiện nay.	5	8.1	26	41.9	29	48.8	2	3.2	0	0	3.55	3
4	Quản lý công tác thay đổi, bổ sung nội dung chương trình giảng dạy kỹ năng sống cho phù hợp với thực tiễn.	0	0	40	64.5	16	25.8	6	9.7	0	0	3.55	3
Trung bình chung		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	***3.71***	-

2.4.4. Quản lý hoạt động dạy học KNS.

Bảng 2.8. Kết quả đánh giá việc quản lý hoạt động dạy học KNS của giáo viên và học sinh

TT	Nội dung	Tốt		Khá		TB		Yếu		Kém		ĐTB ($\overline{X}$)	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Xây dựng các kế hoạch tổ chức hoạt động ngoại khóa nhằm giáo dục kỹ năng sống cho học sinh	8	12.9	36	58.1	18	29.0	0	0	0	0	3.84	1
2	Nhà trường chủ động liên kết với các lực lượng bên ngoài trong việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh	01	1.6	43	69.4	18	29.0	0	0	0	0	3.73	2

3	Hoạt động giáo dục kỹ năng sống trong chương trình được thực hiện theo đúng quy định	4	6.5	29	46.8	27	43.5	2	3.2	0	0	3.56	3
4	Nhà trường giám sát hoạt động giảng dạy kỹ năng sống trong nhà trường một cách sát sao	0	0	31	50.0	25	40.3	6	9.7	0	0	3.40	5
5	Hoạt động học tập kỹ năng sống của học sinh trong trường được nhà trường quan tâm sâu sắc	3	4.8	29	46.8	30	48.4	0	0	0	0	3.56	3
Trung bình chung		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	***3.62***	-

2.4.5. Quản lý hoạt động xây dựng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ GDKNS.

Bảng 2.9. Kết quả đánh giá việc quản lí hoạt động xây dựng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ GDKNS

TT	Nội dung	Tốt		Khá		TB		Yếu		Kém		ĐTB ($\overline{X}$)	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Nhà trường thực hiện hoạt động gửi giáo viên giảng dạy kỹ năng sống đi tham gia học các lớp bồi dưỡng giáo dục kỹ năng sống	13	21.0	33	53.2	16	25.8	0	0	0	0	3.95	1
2	Nhà trường mời chuyên gia giáo dục kỹ năng sống về trao đổi chuyên môn, kinh nghiệm với giáo viên giảng dạy kỹ năng sống của nhà trường	01	1.6	46	74.2	15	24.2	0	0	0	0	3.77	2
3	Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề về giảng dạy giáo dục kỹ năng sống cho giáo viên	2	3.2	31	50.0	28	45.2	1	1.6	0	0	3.55	4
4	Nhà trường có chế độ chính sách đãi ngộ cho giáo viên giang dạy kỹ năng sống	0	0	32	51.6	27	43.5	3	4.8	0	0	3.47	5

5	Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề giữa các giáo viên giảng dạy kỹ năng sống với học sinh để giáo viên hiểu rõ thực trạng tình hình giảng dạy hơn.	2	3.2	32	51.6	28	45.2	0	0	0	0	3.58	3
Trung bình chung		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	***3.66***	-

Bảng 2.10. Kết quả hoạt động phối hợp giữa các lực lượng trong và ngoài nhà trường

TT	Nội dung	Tốt		Khá		TB		Yếu		Kém		ĐTB ($\overline{X}$)	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Ban giám hiệu nhà trường	5	8.1	26	41.9	29	46.8	2	3.2	0	0	3.55	8
2	Tổ trưởng chuyên môn	0	0	40	64.5	16	25.8	6	9.7	0	0	3.55	8
3	Giáo viên chủ nhiệm	8	12.9	36	58.1	18	29.0	0	0	0	0	3.84	2
4	Giáo viên giảng dạy các môn văn hoá	1	1.6	43	69.4	18	29.0	0	0	0	0	3.73	4
5	Giáo viên tư vấn, dạy nghề	0	0	40	64.5	16	25.8	6	9.7	0	0	3.55	8
6	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	8	12.9	36	58.1	18	29.0	0	0	0	0	3.84	2
7	Công đoàn cơ sở	1	1.6	43	69.4	18	29.0	0	0	0	0	3.73	4
8	Hội cha mẹ học sinh	4	6.5	27	43.5	31	50.0	0	0	0	0	3.56	7
9	Gia đình học sinh	11	17.7	34	54.8	17	27.4	0	0	0	0	3.90	1
10	Chính quyền địa phương	1	1.6	35	56.5	26	41.9	0	0	0	0	3.59	6
Trung bình chung		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	***3.68***	-

2.4.7. Quản lý cơ sở vật chất phục vụ cho GDKNS.

Bảng 2.11. Kết quả đánh giá việc đầu tư và quản lý cơ sở vật chất

TT	Nội dung	Tốt		Khá		TB		Yếu		Kém		ĐTB ($\overline{X}$)	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Cung cấp và quản lý trang thiết bị cho hoạt động giáo dục kỹ năng sống.	9	14.5	39	62.9	14	22.6	0	0	0	0	3.92	1
2	Cung cấp, mua sắm tài liệu phục vụ giáo dục kỹ năng sống.	0	0	52	83.9	10	16.1	0	0	0	0	3.84	2

3	Cập nhật thường xuyên thông tin về giáo dục kỹ năng sống thông qua mạng máy tính, trang web của trường, bảng tin...	2	3.2	34	54.8	26	41.9	0	0	0	0	3.61	3
4	Cấp kinh phí thường xuyên, hoặc theo chủ đề cho hoạt động giáo dục kỹ năng sống.	1	1.6	37	59.7	23	37.1	1	1.6	0	0	3.61	3
Trung bình chung		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**3.75**	-

2.4.8. Quản lý, tổ chức các hình thức kiểm tra, đánh giá GDKNS.

Bảng 2.12. Kết quả đánh giá việc quản lý các hình thức kiểm tra, đánh giá

TT	Nội dung	Tốt		Khá		TB		Yếu		Kém		ĐTB ($\overline{X}$)	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Quy định các tiêu chuẩn, phương pháp kiểm tra đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng sống.	0	0	36	58.1	23	37.1	3	4.8	0	0	3.53	4
2	Kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng sống một cách thường xuyên và theo định kỳ.	3	4.8	32	51.6	27	43.5	0	0	0	0	3.61	1
3	Phối hợp các phương pháp đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng sống như xử lý tình huống, kết hợp thi vấn đáp và thi viết…	5	8.1	27	43.5	30	48.4	0	0	0	0	3.59	2
4	Xây dựng và sáng tạo các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá mới trong hoạt động giáo dục kỹ năng sống	2	3.2	35	56.5	21	33.9	4	6.5	0	0	3.56	3
Trung bình chung		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	***3.57***	-

2.4.9. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đối với quản lý GDKNS.

Bảng 2.13. Kết quả đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đối với quản lý HDGDKNS

TT	Nội dung	Rất ảnh hưởng		Ảnh hưởng		Bình thường		Ít ảnh hưởng		Không ảnh hưởng		ĐTB ($\overline{X}$)	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Mục tiêu, nội dung, chương trình giáo dục kỹ năng sống	14	22.6	42	67.7	6	9.7	0	0	0	0	4.13	1
2	Nhận thức, khả năng, phương pháp tổ chức, quản lý các chương trình, hoạt động giáo dục kỹ năng sống của đội ngũ cán bộ quản lý	5	8.1	52	83.9	5	8.1	0	0	0	0	4.0	3
3	Nhận thức, trình độ chuyên môn, phương pháp giảng dạy, kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho HS của đội ngũ giáo viên	7	11.3	37	59.7	18	29.0	0	0	0	0	3.82	7
4	Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho HS	3	4.8	49	79.0	10	16.1	0	0	0	0	3.89	5
5	Phương pháp, hình thức triển khai các hoạt động giáo dục kỹ năng sống	12	19.4	41	66.1	9	14.5	0	0	0	0	4.05	2
6	Cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động giáo dục kỹ năng sống.	3	4.8	43	69.4	16	25.8	0	0	0	0	3.79	9
7	Năng lực, nhận thức, thái độ của học sinh đối với hoạt động giáo dục kỹ năng sống.	7	11.3	38	61.3	17	27.4	0	0	0	0	3.84	6
8	Điều kiện kinh tế xã hội của đất nước, của địa phương, hoàn cảnh gia đình.	5	8.1	41	66.1	16	25.8	0	0	0	0	3.82	7
9	Công tác thi, kiểm tra đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng sống.	11	17.7	37	59.7	14	22.6	0	0	0	0	3.95	4
Trung bình chung		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	***3.92***	-

2.5. Đánh giá chung về thực trạng

** Những kết quả đạt được*

** Những hạn chế, tồn tại*

** Nguyên nhân của tồn tại*

- Nguyên nhân chủ quan
- Nguyên nhân khách quan

Tiểu kết chương 2

Qua nghiên cứu thực trạng quản lý giáo dục KNS ở trường THPT Cẩm Giàng II, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương cho thấy:

Đội ngũ CBQL và GV đã có nhận thức đúng vị trí, vai trò và nhiệm vụ về GDKNS cho HS trong trường THPT; BGH nhà trường cơ bản đã có kế hoạch quản lý hoạt động GDKNS cho HS. Hoạt động GDKNS bước đầu đã có kết quả góp phần vào việc hình thành và phát triển nhân cách HS cũng như nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho HS THPT tại trường THPT Cẩm Giàng II, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Tuy nhiên, giữa nhận thức và hành động của CBQL, GV chưa tỷ lệ thuận trong quá trình thực hiện giáo dục; chưa quan tâm đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục nên hạn chế phát huy hiệu quả giáo dục và năng lực của HS. Chưa thu hút được sự hứng thú và tích cực tham gia của HS dành cho hoạt động giáo dục này.

Các hoạt động GDKNS ở các trường mới chỉ dừng lại ở mức có tổ chức, các điều kiện thực hiện còn rất hạn chế. Các hoạt động có quy mô lớn không được tổ chức thường xuyên do thiếu hụt về tài chính và các lực lượng phối hợp giáo dục khác. Nguồn nhân lực chủ chốt cho các hoạt động chủ yếu là cán bộ Đoàn và Giáo viên chủ nhiệm của trường.

Chương 3
BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH TRƯỜNG THPT CẨM GIÀNG II, HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

3.1. Nguyên tắc đề xuất các biện pháp

3.1.1. Đảm bảo tính hệ thống

3.1.2. Đảm bảo tính thực tiễn

3.1.3. Đảm bảo tính hiệu quả

3.2. Biện pháp quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống tại trường THPT Cẩm Giàng II, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

3.2.1. Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trung học phổ thông đối với cán bộ, giáo viên và học sinh.....**Error! Bookmark not defined.**

3.2.2. Lập kế hoạch tổng thể và chi tiết, chỉ đạo sát sao công tác xây dựng chương trình, nội dung giảng dạy giáo dục kỹ năng sống cho học sinh..... **Error! Bookmark not defined.**
3.2.3. Quản lý chặt chẽ tiến độ triển khai nội dung giảng dạy giáo dục kỹ năng sống cho học sinh..... **Error! Bookmark not defined.**
3.2.4. Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và chất lượng đội ngũ giáo viên giảng dạy giáo dục kỹ năng sống cho học sinh .**Error! Bookmark not defined.**
3.2.5. Tăng cường giám sát và quản lý các hoạt động học tập chính khóa và ngoại khóa trong giáo dục kỹ năng sống cho học sinh..... **Error! Bookmark not defined.**
3.2.6. Giám sát chặt chẽ và nâng cao hiệu quả hoạt động thi, kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng sống **Error! Bookmark not defined.**
3.2.7. Xây dựng kế hoạch phối kết hợp và tích cực phối hợp với các lực lượng tham gia giáo dục kỹ năng sống cho học sinh .**Error! Bookmark not defined.**

3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp

3.4. Kết quả khảo nghiệm về tính cần thiết, tính khả thi của các biện pháp

* Mục đích khảo nghiệm
* Đối tượng khảo nghiệm
* Nội dung khảo nghiệm
* Phương pháp khảo nghiệm
* Thực trạng về tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lí HĐGDKNS

- Tính cấp thiết của các biện pháp

Bảng 3.1. Kết quả đánh giá về tính cấp thiết của các biện pháp quản lí HĐGDKNS

TT	Nội dung	Rất cấp thiết		Cấp thiết		Không cấp thiết		ĐTB ($\overline{X}$)	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trung học phổ thông đối với	42	67.7	20	32.3			2.68	2

	cán bộ, giáo viên và học sinh.								
2	Lập kế hoạch tổng thể và chi tiết, chỉ đạo sát sao công tác xây dựng chương trình, nội dung giảng dạy giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.	35	56.5	27	43.5			2.56	7
3	Quản lý chặt chẽ tiến độ triển khai nội dung giảng dạy giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.	48	77.4	14	22.6			2.77	1
4	Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và chất lượng đội ngũ giáo viên giảng dạy giáo dục kỹ năng sống cho học sinh	41	66.1	21	33.9			2.66	3
5	Tăng cường công tác giám sát, quản lý các hoạt động học tập chính khóa và ngoại khóa trong giáo dục kỹ năng sống cho học sinh	38	61.3	24	38.7			2.61	5
6	Giám sát chặt chẽ và nâng cao hiệu quả hoạt động thi, kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng sống	39	62.9	23	37.1			2.63	4
7	Xây dựng kế hoạch phối kết hợp và tích cực phối hợp và các lực lượng tham gia giáo dục kỹ năng sống cho học sinh	38	61.3	24	38.7			2.61	5
Trung bình chung		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	***2.65***	**-**

- Tính khả thi của các biện pháp

Bảng 3.2. Kết quả đánh giá về tính khả thi của các biện pháp quản lí HĐGDKNS

TT	**Nội dung**	**Rất khả thi**		**Khả thi**		**Không khả thi**		**ĐTB ($\overline{X}$)**	**Thứ bậc**
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trung học phổ thông đối với cán bộ, giáo viên và học sinh.	17	27.4	45	72.6	0	0	2.27	4

2	Lập kế hoạch tổng thể và chi tiết, chỉ đạo sát sao công tác xây dựng chương trình, nội dung giảng dạy giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.	17	27.4	45	72.6	0	0	2.27	4
3	Quản lý chặt chẽ tiến độ triển khai nội dung giảng dạy giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.	40	64.5	22	35.5	0	0	2.65	1
4	Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và chất lượng đội ngũ giáo viên giảng dạy giáo dục kỹ năng sống cho học sinh	19	30.6	43	69.4	0	0	2.31	3
5	Tăng cường công tác giám sát, quản lý các hoạt động học tập chính khóa và ngoại khóa trong giáo dục kỹ năng sống cho học sinh	16	25.8	46	74.2	0	0	2.26	6
6	Giám sát chặt chẽ và nâng cao hiệu quả hoạt động thi, kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng sống	14	22.6	48	77.4	0	0	2.23	7
7	Xây dựng kế hoạch phối kết hợp và tích cực phối hợp và các lực lượng tham gia giáo dục kỹ năng sống cho học sinh	25	40.3	37	59.7	0	0	2.40	2
Trung bình chung		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	***2.34***	**-**

Tiểu kết chương 3

Các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động GDKNS tại trường THPT Cẩm Giàng II, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Mỗi biện pháp có một mục tiêu, nội dung, cách thức và điều kiện thực hiện. Các biện pháp là một hệ thống đồng bộ, trong đó mỗi biện pháp vừa có giá trị tương đối độc lập, vừa có tính tương hỗ mật thiết với các biện pháp khác. Nhà quản lý phải linh hoạt vận dụng và phát huy được thế mạnh của các biện pháp trong quá trình quản lý hoạt động GDKNS trong nhà trường để góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện của đơn vị mình.

Kết quả khảo nghiệm đánh giá về 7 biện pháp đã đề xuất cho thấy sự thống nhất cao về mức độ cần thiết và khả thi của 7 biện pháp này.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Hoạt động GDKNS là một bộ phận của quá trình giáo dục trong nhà trường, hướng đến cái đích cuối cùng là hình thành và phát triển toàn diện nhân cách của học sinh. GDKNS cho học sinh là giáo dục cho các em có cách sống tích cực trong xã hội hiện đại, xây dựng hoặc thay đổi ở các em các hành vi theo hướng tích cực phù hợp với mục tiêu phát triển toàn diện nhân cách người học dựa trên cơ sở giúp học sinh có tri thức, giá trị, thái độ và KN phù hợp.

Quản lý hoạt động GDKNS ở trường THPT là quá trình tác động của nhà quản lý tới các thành phần, các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường và các thành tố tham gia vào quá trình hoạt động giáo dục nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu GDKNS cho học sinh.

Qua nghiên cứu về quản lý hoạt động GDKNS cho học sinh trường THPT Cẩm Giàng II, đề tài nhận định một số vấn đề sau:

- Đã làm sáng tỏ lý luận về quản lý hoạt động GDKNS, trong đó làm rõ các khái niệm, các quan điểm, các vấn đề có liên quan đến nội dung quản lý hoạt động GDKNS ở trường THPT.

- Từ kết quả khảo sát thực trạng quản lý hoạt động GDKNS ở trường THPT Cẩm Giàng II, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương đã đánh giá được những mặt mạnh, mặt hạn chế và những nguyên nhân của sự hạn chế. Đề xuất hệ thống một số biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động GDKNS cho HS ở trường THPT với các biện pháp như: Kế hoạch hóa công tác quản lý hoạt động GDKNS đảm bảo tuân thủ quy chế của ngành và phù hợp trong và ngoài nhà trường; Quản lý nội dung chương trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT và đa dạng hóa các hình thức tổ chức giáo dục kỹ năng sống; bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên trong công tác giáo dục kỹ năng sống cho học sinh; chỉ đạo việc phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường thực hiện hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT; tăng cường giám sát và quản lý các hoạt động học tập chính khóa và ngoại khóa trong giáo dục kỹ năng sống cho học sinh; kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

Cần làm tốt công tác dự báo, quy hoạch và tham mưu với UBND các cấp để có chiến lược phát triển cơ sở vật chất hạ tầng trường học, đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu thực hiện nhiệm vụ giáo dục ở các nhà trường.

Tham mưu với UBND các cấp có kế hoạch liên tịch với các ban ngành liên quan trên địa bàn để phối hợp tổ chức hoạt động GDKNS trong nhà trường.

Có kế hoạch chỉ đạo, hướng dẫn thường xuyên, cụ thể công tác giáo dục KN trong nhà trường.

Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, năng lực tổ chức hoạt động KNS cho đội ngũ giáo viên trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thông qua các lớp tập huấn, phổ biến kiến thức từ chuyên gia.

Tổ chức hội thảo bàn về vấn đề liên quan đến quản lý, tổ chức hoạt động GDKNS, báo cáo điển hình, trao đổi kinh nghiệm của các đơn vị.

Cải tiến đánh giá chất lượng trường đồng thời với chuyên môn là việc đánh giá toàn diện các hoạt động giáo dục trong nhà trường, hướng đến chất lượng giá dục toàn diện. Trong đó, hoạt động GDKNS được xem là một tiêu chuẩn, một nội dung trong việc kiểm tra, đánh giá và phân loại thi đua của các nhà trường trực thuộc trong năm học.

2.2. Đối với Ban Giám hiệu trường THPT Cẩm Giàng II.

Hàng năm cần tiến hành khảo sát thực trạng về năng lực KNS của HS để xác định nhu cầu về giáo dục KNS từ đó lập kế hoạch giáo dục KNS cho HS trong năm học chính xác, khả thi và hiệu quả.

Kiện toàn ban chỉ đạo, xây dựng nội quy, quy chế hoạt động của các thành viên chặt chẽ, khoa học và hiệu lực. Quan tâm đến công tác phân công trách nhiệm, sơ kết, tổng kết và đúc rút kinh nghiệm qua từng hoạt động.

Tăng cường giao lưu với các đơn vị bạn để tổ chức đội ngũ được học tập, được chia sẻ kinh nghiệm. Cần có chế độ động viên, khen thưởng cho các cá nhân, tập thể làm hoàn thành tốt nhiệm vụ, có nhiều sáng kiến, ý tưởng hay góp phần nâng cao hiệu quả GDKNS của nhà trường. Đặc biệt, quan tâm khích lệ động viên sự tham gia đóng góp từ phía các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường dành cho hoạt động GDKNS.

Chú trọng công tác phát huy nội lực, vận động linh hoạt và triệt để ngoại lực để đáp ứng đủ các điều kiện đảm bảo hiệu quả của hoạt động GDKNS của nhà trường.

Quan tâm công tác kiểm tra, đánh giá, tư vấn, thúc đẩy việc tổ chức hoạt động GDKNS cho HS của các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường. Đồng thời, quan tâm đến thái độ, hứng thú tham gia hoạt động giáo dục của HS để có hướng tác động phù hợp và hiệu quả.

2.3. Đối với tổ chức Đoàn thanh niên

Cần nghiên cứu kỹ phương pháp tiếp cận KNS trong hoạt động tập thể và vận dụng linh hoạt trong mỗi hoạt động Đoàn ở nhà trường.

Tích cực tham mưu trong xây dựng kế hoạch, trong đề xuất biện pháp, giải pháp tổ chức giáo dục; năng động, sáng tạo trong xây dựng nội dung và hình thức tổ chức, đồng thời chú trọng đến công tác phối hợp với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường để tranh thủ sự hỗ trợ mọi điều kiện đáp ứng mục tiêu GDKNS của tổ chức.

2.4. Đối với giáo viên chủ nhiệm

Thực hiện đảm bảo mục tiêu GDKNS trong từng nội dung, từng tiết học, từng bài học trên cơ sở tiếp cận KNS thông qua môi trường học đường.

Nâng cao vai trò của GVCN trong việc tiếp cận, tìm hiểu năng lực KNS của HS nhằm xây dựng nội dung, hình thức giáo dục hướng đến nhu cầu người học và phát huy năng lực phù hợp với mỗi cá nhân.

Làm tốt công tác phối hợp với cán bộ Đoàn, giáo viên bộ môn, tham mưu tốt với BGH nhà trường và kết nối chặt chẽ với CMHS để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu giáo dục đề ra.